

CÔNG TY TNHH TMDV BUÔN BÁN VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG  
KHÔI

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV BUÔN BÁN VÀ SỬA  
CHỮA THIẾT BỊ ĐIỆN ĐĂNG KHÔI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 3703223943

3. Ngày thành lập: 08/07/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1263/13 Lê Hồng Phong, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình  
Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0589.181.361

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(trừ hóa chất có tính chất độc hại mạnh và không sản xuất tại<br>trụ sở)              | 2011     |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                         | 2620     |
| 3.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và<br>điều khiển điện<br>(Không hoạt động tại trụ sở) | 2710     |
| 4.  | Sản xuất pin và ắc quy<br>(Không hoạt động tại trụ sở)                                                            | 2720     |
| 5.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                               | 2731     |
| 6.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                            | 2732     |
| 7.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                           | 2733     |
| 8.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                 | 2740     |
| 9.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                         | 2750     |
| 10. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                       | 2790     |
| 11. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe<br>máy và xe có động cơ khác)                      | 3315     |
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                           | 3320     |
| 13. | Sản xuất điện                                                                                                     | 3511     |
| 14. | Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống                                                         | 3520     |
| 15. | Xây dựng công trình điện                                                                                          | 4221     |
| 16. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                               | 4222     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 17. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                         | 4223                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4229                                                         |
| 19. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4293                                                         |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299                                                         |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                   | 4321                                                         |
| 22. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) | 4322(Chính)                                                  |
| 23. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>(Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                           | 4329                                                         |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330                                                         |
| 25. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651                                                         |
| 26. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652                                                         |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                     | 4653                                                         |
| 28. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(Trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                                                                                                                                                                                  | 4659                                                         |
| 29. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cận, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở)                                                                                   | 4719                                                         |
| 30. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                    | 4759                                                         |
| 31. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cận, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán lẻ hóa chất tại trụ sở)                                                                             | 4773                                                         |
| 32. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển).                                                                                                                                                                                                                                        | 4933                                                         |
| 33. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201                                                         |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                             | 7730                                                         |
| 35. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7820                                                         |
| 36. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.                                                               | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 7.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ HOÀNG NHƠN

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 27/06/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 086085013991

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Ấp Trung Tín, Thị Trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ấp Trung Tín, Thị Trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam*

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ HOÀNG NHƠN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 27/06/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 086085013991

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Trung Tĩn, Thị Trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: *Ấp Trung Tín, Thị trấn Vũng Liêm, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương